

MỘT SỐ ĐÁNH GIÁ VỀ TƯƠNG QUAN GIỮA KHÓ KHĂN TÂM LÝ VỚI KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN KHÓ KHĂN TÂM LÝ CỦA SINH VIÊN DÂN TỘC THIỂU SỐ TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƠN LA

ThS. TRẦN QUỐC KHÁNH - ThS. BÙI ĐỨC MINH*

Abstract: There is a close correlation between psychological difficulties and the learning results of students of ethnic minorities at Son La college. These challenges are caused by the subjective and objective factors and should be paid more attention and further studied to find out solutions in order to improve the quality of training of the College of Son La.

Keywords: Psychological difficulties, learning outcomes, minority students.

Thực tế cho thấy, người học dù ở lứa tuổi nào khi tham gia vào hoạt động học tập cũng đều gặp những trở ngại, khó khăn tâm lý (KKTL). Nguyên nhân là do các nhân tố khách quan và chủ quan như: ảnh hưởng của đời sống, môi trường, cơ sở vật chất phục vụ học tập, năng lực,... Đặc biệt, với những em vừa chuyển đổi cấp học, những em ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) mới làm quen với môi trường học tập mới thì KKTL càng nhiều. KKTL nếu không được phát hiện và tháo gỡ kịp thời sẽ ảnh hưởng đến kết quả học tập (KQHT) của sinh viên (SV), khiến các em lo lắng, tự ti..., từ đó ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách. Bài viết đưa ra một số đánh giá về mối tương quan giữa KKTL và KQHT, cũng như nhân tố gây KKTL trong học tập cho SV DTTS Trường Cao đẳng Sơn La.

Chúng tôi đã thực hiện khảo sát vào tháng 05/2013-12/2014, đối tượng là 200 SV DTTS Trường Cao đẳng Sơn La.

1. Mối tương quan giữa KKTL và KQHT

Để tìm hiểu mối tương quan giữa KKTL và KQHT của SV DTTS Trường Cao đẳng Sơn La, chúng tôi tiến hành phân loại KKTL và KQHT của các em. Kết quả như sau: có 43,9% SV cho rằng đang gặp KKTL trong học tập ở mức nghiêm trọng; 37,7% SV ở mức ít nghiêm trọng và 18,4% SV ở mức không nghiêm trọng.

Sau khi phân loại KQHT, kết quả cho thấy: KQHT của SV DTTS rất đa dạng. Trong đó: số SV có học lực trung bình (TB) khá - TB là 131/200 SV, chiếm 65,5%; có học lực giỏi - khá là 66/200 SV, chiếm 33,0%; có học lực yếu - kém là 3/200 SV, chiếm 1,5%.

Để làm rõ mối tương quan giữa KKTL với KQHT của SV DTTS, chúng tôi đưa ra bảng sau (xem bảng 1):

Bảng 1. Mối tương quan giữa KKTL và KQHT của SV DTTS

Correlations			
		KQHT	Tổng mức độ khó khăn
KQHT	Pearson Correlation	1	-.421**
	Sig. (2-tailed)		.000
	N	200	200
Tổng mức độ khó khăn	Pearson Correlation	-.421**	1
	Sig. (2-tailed)	.000	
	N	200	200

** Correlation is significant at the 0,01 level (2-tailed).

Kết quả thu được: hệ số tương quan $R = -0,421$, cho phép kết luận giữa KKTL và KQHT có tương quan nghịch (hệ số tương quan R có kết quả âm tính) và tương đối chặt chẽ (tiến gần đến -1). Nghĩa là, SV có mức KKTL càng cao (điểm TB cao) thì KQHT càng thấp. Ngược lại, nếu SV gặp KKTL ở mức càng thấp, ít khó khăn (điểm TB thấp) thì KQHT càng cao.

2. Những nhân tố gây ra KKTL trong học tập của SV DTTS

2.1. Nhân tố chủ quan (xem bảng 2):

Nhận xét: nhân tố chủ quan có ảnh hưởng lớn nhất, gây khó khăn trong học tập cho SV DTTS là: "Do năng lực học tập và nghiên cứu độc lập còn hạn chế", có điểm TB cao nhất với $\bar{X} = 6,27$, độ lệch chuẩn $SD = 2,94$. Năng lực học tập là khả năng của cá nhân đảm bảo cho các hoạt động học tập có kết quả. Để hình thành, phát triển năng lực học tập, mỗi cá nhân

* Trường Cao đẳng Sơn La

Bảng 2. Nhân tố chủ quan gây ra KKTL trong hoạt động học tập của SV DTTS

STT	Các nhân tố khách quan	\bar{X}	Độ lệch chuẩn SD
1	Do chưa có hứng thú với ngành đã chọn	5,05	3,40
2	Bản thân thấy rằng không cần thiết phải phấn đấu	4,64	2,46
3	Cảm thấy không tự tin khi trao đổi với bạn bè, GV	5,10	2,27
4	Dành nhiều thời gian vào việc khác		
5	Do động cơ chọn nghề của bản thân chưa phù hợp	5,08	3,01
6	Do chưa có phương pháp học tập hợp lí	5,84	2,83
7	Do năng lực học tập và nghiên cứu độc lập còn hạn chế	6,27	2,94
8	Do bản thân chưa tích cực, chủ động	5,82	2,69
9	Do ngôn ngữ bằng tiếng kinh chưa tốt	4,46	3,13
10	Do sức khỏe không đảm bảo cho việc học tập	4,62	2,84

cần tích cực học tập, rèn luyện các kĩ năng cơ bản. Ở trường cao đẳng, do khối lượng kiến thức lớn mà thời gian học tập trên lớp hạn chế nên SV phải tự học, tự nghiên cứu mới có thể lĩnh hội kiến thức. Nhìn chung, những SV năm thứ nhất có khả năng tự học còn yếu, kinh nghiệm phân bố thời gian cho từng môn học chưa hợp lí.

Xếp ở vị trí thứ 2 là nhân tố: “Chưa có phương pháp học tập hợp lí” (có điểm TB cao thứ 2), $\bar{X} = 5,84$, độ lệch chuẩn $SD = 2,83$. Lượng kiến thức ở trường cao đẳng khác với trường phổ thông, xuất hiện nhiều môn học khó và phức tạp hơn. Vì vậy, SV gặp khó khăn trong việc tìm một phương pháp học tập phù hợp. Thực tế, không có cách học nào chung cho mọi người, không có phương pháp học tập nào là “vạn năng” để thay thế cho tất cả các phương pháp khác. Mỗi phương pháp đều có ưu và nhược điểm nhất định, người học cần vận dụng linh hoạt các phương pháp học tập.

Xếp ở vị trí thứ 3 là nhân tố: “Do bản thân chưa tích cực, chủ động”, với $\bar{X} = 5,82$ và $SD = 2,69$. Điều này xuất phát từ đặc điểm tâm lí của SV, tư tưởng muốn “nghỉ xả hơi” sau một quá trình học tập trước khi vào học ở trường đại học, cao đẳng. Việc SV xác định được những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động học tập là rất quan trọng, để từ đó có biện pháp khắc phục. Các công trình nghiên cứu tâm lí học cho thấy, động cơ bên trong của con người chính là nhân tố quyết định làm thay đổi hành vi. Nếu SV tìm được động cơ học tập cho mình, các em sẽ chuyển quá trình học tập từ tự phát sang tự giác.

Xếp ở vị trí thứ 4 là nhân tố: “Cảm thấy không tự tin khi trao đổi với bạn bè, thầy cô giáo”, $\bar{X} = 5,10$ và

$SD = 2,27$. Qua quan sát, chúng tôi nhận thấy, SV DTTS tự ti, chưa mạnh dạn trong giao tiếp, còn e dè, nhút nhát khi trao đổi, học hỏi lẫn nhau. Đây là một trong những nguyên nhân gây KKTL trong học tập của SV.

Xếp ở vị trí thứ 5 là nhân tố: “Do động cơ chọn nghề của bản thân chưa phù hợp”, $\bar{X} = 5,08$ và $SD = 3,01$. Trong quá trình chọn nghề, nhiều SV DTTS lựa chọn không dựa trên năng lực, sở trường, điểm yếu, điểm mạnh của bản thân, nhu cầu xã hội mà chỉ chọn theo cảm tính, bố mẹ định hướng hoặc bạn bè. Vì vậy, dẫn đến khi vào học, SV thấy ngành học không phù hợp với mình, còn mơ hồ, không nắm được động cơ/mục đích học tập. Do vậy, sự hỗ trợ, định hướng từ phía gia đình, nhà trường là rất cần thiết, giúp SV lựa chọn được ngành nghề phù hợp.

Xếp ở vị trí thứ 6 là nhân tố: “Do chưa có hứng thú với ngành đã chọn”, $\bar{X} = 5,05$ và $SD = 3,40$. Vì chưa có định hướng, động cơ chọn nghề phù hợp nên dẫn đến trong quá trình học tập, nhiều SV chán nản, không cố gắng, học tập hời hợt. Vì vậy, SV cần được sự trợ giúp để có thể vượt qua những trở ngại, vướng mắc trên.

Xếp ở vị trí thứ 7 là nhân tố: “Dành nhiều thời gian vào việc khác (gặp gỡ bạn bè, giao lưu,...)”, $\bar{X} = 4,66$ và $SD = 2,92$. SV gặp nhiều khó khăn trong việc quản lí, sắp xếp thời gian, bởi các em chưa xây dựng được kế hoạch học tập cho mình; nếu xây dựng được cũng khó thực hiện được. Điều này gây khó khăn trong quản lí và tổ chức đào tạo của Trường Cao đẳng Sơn La hiện nay.

Xếp ở vị trí thứ 8 là nhân tố: “Bản thân thấy không cần thiết phải phấn đấu”, có $\bar{X} = 4,64$ và độ lệch chuẩn $SD = 2,46$. Trong quá trình học tập, SV DTTS chưa thực sự cố gắng và vẫn quen với lối sống, lối suy nghĩ “đến đâu hay đến đấy” dẫn đến KQHT không cao.

Xếp ở vị trí thứ 9 và thứ 10 là nhân tố “Do sức khỏe không đảm bảo cho việc học”; “Do ngôn ngữ bằng tiếng Kinh chưa tốt”. Các nhân tố này cũng có tác động nhất định đến KQHT của SV, nhưng mức độ ảnh hưởng không lớn.

2.2. Nhân tố khách quan (xem bảng 3):

Nhận xét: Trong số những nhân tố khách quan thì nhân tố “Do chưa thích ứng được với phương pháp giảng dạy của giảng viên” có ảnh hưởng/tác động lớn nhất đến KKTL của SV DTTS (điểm TB cao nhất), $\bar{X} = 5,68$ và độ lệch chuẩn thấp nhất $SD = 1,86$ (độ phân tán giữa các giá trị thấp nhất/mức độ tập trung cao nhất). SV đã quen với phương pháp học tập ở

Bảng 3. Nhân tố khách quan gây KKTL trong học tập của SV DTTS

STT	Các nhân tố khách quan	\bar{X}	SD
1	Do chưa thích ứng được với phương pháp dạy học của giảng viên	5,68	1,86
2	Do khối lượng kiến thức học tập khá lớn ở trường cao đẳng	4,90	2,04
3	Do bị chi phối của các mối quan hệ bạn bè, yêu đương	3,70	2,37
4	Do ảnh hưởng của cách học ở phổ thông	4,52	2,28
5	Do thiếu sách, giáo trình, tài liệu học tập	4,72	2,19
6	Do không có sự động viên kịp thời của gia đình	4,09	2,19
7	Do yêu cầu công việc khi ra trường là không cao	3,19	1,90
8	Do những biến động lớn về môi trường sống và học tập	4,62	2,43

phổ thông, đó là thói quen không dễ thay đổi trong thời gian ngắn. Ở trường cao đẳng, SV cần chủ động, tích cực học tập để lĩnh hội tri thức.

Nhân tố khách quan có ảnh hưởng thứ 2 (điểm TB cao thứ 2): “Do khối lượng kiến thức học tập khá lớn ở trường cao đẳng”, $\bar{X} = 4,90$ và $SD = 2,04$. Đối với SV, lượng kiến thức mà các em cần lĩnh hội lớn hơn nhiều so với khi học ở phổ thông. Do đó, SV chưa quen và thích nghi với việc học tập nhiều hơn là tương đối khó khăn.

Xếp thứ 3 là nhân tố: “Do thiếu sách, giáo trình, tài liệu tham khảo”, $\bar{X} = 4,72$ và $SD = 2,19$. Do đặc thù Sơn La là một tỉnh miền núi còn nhiều khó khăn, Trường Cao đẳng Sơn La cũng mới chuyển đổi mô hình từ cao đẳng Sư phạm sang đào tạo đa ngành nên cơ sở vật chất còn thiếu thốn, sách giáo khoa và tài liệu tham khảo rất hạn chế, sách ở thư viện cũng rất khó mua ở các hiệu sách bên ngoài.

Xếp thứ 3 là nhân tố: “Do những biến động lớn về môi trường sống và học tập”, $\bar{X} = 4,62$ và $SD = 2,43$. Từ môi trường miền núi với điều kiện kinh tế, xã hội, văn hóa còn hạn chế, khi vào học ở trường cao đẳng, SV DTTS được sống ở thành phố nên còn nhiều ngỡ ngàng. Mặt khác, trong học tập SV gặp nhiều khó khăn từ nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học.

Xếp thứ 5 là nhân tố: “Do chịu ảnh hưởng nặng nề của cách học ở phổ thông”, có $\bar{X} = 4,52$ và $SD = 2,28$. Nhân tố này ảnh hưởng tới việc hình thành phương pháp học tập của SV DTTS. Khi học tập ở trường cao đẳng, nhiều em đã rất cố gắng mà KQHT không cao. Hơn nữa, do phải học nhiều môn nên SV DTTS còn rất lúng túng trong việc tiếp cận phương pháp học tập mới phù hợp để mang lại hiệu quả cao.

Ngoài ra, còn một số nhân tố khác: “Do không có sự động viên kịp thời của gia đình”; “Do bị chi phối bởi các mối quan hệ bạn bè, yêu đương”; “Do yêu cầu công việc sau này khi ra trường là không cao”. Tuy nhiên, SV đều nhận thấy mức độ ảnh hưởng của các nhân tố này đến KQHT là không lớn.

KKTL trong học tập với KQHT của SV DTTS có mối tương quan chặt chẽ. Những KKTL do nhân tố chủ quan và khách quan gây nên và cần được quan tâm, nghiên cứu sâu hơn nữa, qua đó tìm giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo của Trường Cao đẳng Sơn La hiện nay. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Hồ Ngọc Đại (1983). *Tâm lý học dạy học*. NXB Giáo dục.
- [2] Đặng Vũ Hoạt (2004). *Lí luận dạy học*. NXB Đại học Sư phạm.
- [3] A.G.Covaliov (1971). *Tâm lý học cá nhân* (tập 2). NXB Giáo dục.
- [4] Hoàng Chứng (1997). *Phương pháp dạy học toán học*. NXB Giáo dục.
- [5] Còvaliov A. G. (1971). *Tâm lý học cá nhân*, tập 2. NXB Giáo dục.
3. Đặng Vũ Hoạt (2004). *Lí luận dạy học đại học*. NXB Đại học Sư phạm.
4. Bùi Đình Mỹ (1983). *Tìm hiểu vấn đề đặc trưng tâm lý dân tộc*. Kỷ yếu hội nghị tâm lý học, (lần thứ 5).

Quản lý hoạt động bồi dưỡng...

(Tiếp theo trang 9)

- [4] Thủ tướng Chính phủ (2012). *Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020*.
- [5] Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- [6] Trần Khánh Đức (2004). *Quản lý và kiểm định chất lượng đào tạo nguồn nhân lực*. NXB Giáo dục.
- [7] Nguyễn Hồng Hải (2012). *Quản lý đội ngũ hiệu trưởng trường trung học phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục*. Luận án tiến sĩ quản lý giáo dục, Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [8] Bộ GD-ĐT (2014). *Điều lệ trường tiểu học* (Ban hành kèm theo Thông tư Ban hành Điều lệ Trường tiểu học số 03/VBHN-BGDĐT ngày 22/01/2014 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- [9] Nguyễn Văn Giao (chủ biên) (2001). *Từ điển Giáo dục học*. NXB Từ điển Bách khoa.